

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 - 2020

“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Sơn và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Đội 1, thôn Cao C, xã Quảng H, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân L, phường Quảng T, thành phố Gia N, tỉnh Đắk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng H, huyện Quảng T (Nay là xã Quảng H, thị xã Ba Đ), tỉnh Quảng Bình vào ngày 21 tháng 02 năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nhau. Chị và anh B đã quyết định sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của mình đối với anh Bảo không còn nên chị mong muốn được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2013, hiện nay đang ở với chị. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vì chị có đủ khả năng và điều kiện.

Về tài sản chung: Không có, vợ chồng chị không vay nợ của ai và không ai nợ vợ chồng chị. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Ngọc B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập anh đến Tòa án nhiều lần để giải quyết việc chị Nguyễn Thị Mỹ N xin ly hôn, nhưng anh Nguyễn Ngọc B vắng mặt không có lý do; ngày 02/6/2020, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đ nhận được Bản tự khai của anh B với nội dung: Về tình cảm nhất trí ly hôn như yêu cầu của chị N; về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 04/9/2013, sau ly hôn anh nhất trí giao cho con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị N có đủ điều kiện và không có yêu cầu; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; ngày 05/6/2020, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đ nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B; anh B có nơi cư trú tại tổ dân phố Tân L, phường Quảng T, thành phố Gia N, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, chị N và anh B đã có Biên bản thỏa thuận về việc chọn Tòa án nhân dân thị xã Ba Đ giải quyết ly hôn. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đ.

Anh Nguyễn Ngọc B đã có đơn trình bày nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc B kết hôn trên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng H, huyện Quảng T (Nay là xã Quảng H, thị xã Ba Đ), tỉnh Quảng Bình vào ngày 21 tháng 02 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, chị N kiên quyết xin được ly hôn với anh B, anh B cũng có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt anh.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh B là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc B có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2013. Xét thấy, cháu V hiện đang sống cùng chị N, chị N có nguyện vọng xin được nuôi con, anh B cũng đồng ý giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị N có đủ điều kiện và không yêu cầu. Do đó cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Ngọc B đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ gì của ai cũng như không cho ai vay nợ, đồng thời không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều

57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Ngọc B.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N, xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2013. Anh Nguyễn Ngọc B không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nhung có đủ điều kiện và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006854 ngày 29 tháng 4 năm 2020. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Ngọc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã (Phường) nơi anh thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương

